

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUANG MINH**

Số: 01/TB-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quang Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2022

THÔNG BÁO
Công khai dự toán ngân sách xã năm 2022

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; Văn bản số 3949/BTC-NSNN ngày 5/4/2018 của Bộ Tài chính về việc thực hiện công khai ngân sách theo quy định của Luật NSNN 2015;

Căn cứ Nghị quyết của HĐND xã Quang Minh kỳ họp thứ 3: số 18/NQ-HĐND ngày 28/12/2021 về việc phê chuẩn dự toán ngân sách xã Quang Minh năm 2022;

Xét đề nghị của Công chức Tài chính – Kế toán xã về việc thông báo công khai dự toán ngân sách xã năm 2022.

Ủy ban nhân dân xã Quang Minh thông báo công khai dự toán ngân sách xã năm 2022 (Có biểu số liệu kèm theo).

- Hình thức công khai:

- + Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Quang Minh.
- + Thông báo trên hệ thống loa truyền thanh xã,
- + Đăng tải lên trang thông tin điện tử của xã.

- Thời gian công khai: Từ ngày 15/01/2022 đến 14/02/2022

Ủy ban nhân dân xã Quang Minh thông báo để các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Trưởng ban đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Hữu Biên



UBND Xã: Quảng Minh

Biểu số 108/CK TC - NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	99.878.300	TỔNG SỐ CHI	99.878.300
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	56.000	I. Chi đầu tư phát triển	95.320.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	96.030.000	II. Chi thường xuyên	4.558.300
III. Thu bổ sung	3.792.300	III. Dự phòng	65.400
- Bổ sung cân đối ngân sách	2.127.600		
- Bổ sung có mục tiêu	1.664.700		
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	99.878.300	95.320.000	4.558.300
	Trong đó:			
	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	5.296.060	4.874.000	422.060
	Chi dân quân tự vệ	302.060		302.060
	Chi trật tự an toàn xã hội	4.994.000	4.874.000	120.000
1	Chi giáo dục	32.834.100	32.820.000	14.100
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
3	Chi y tế	22.000		22.000
4	Chi văn hóa, thông tin	3.177.000	3.128.000	49.000
5	Chi phát thanh, truyền thanh	62.618		62.618
6	Chi thể dục, thể thao	10.422.000	10.417.000	5.000
7	Chi bảo vệ môi trường	31.000		31.000
8	Chi các hoạt động kinh tế	35.648.804	35.581.000	67.804
	Giao thông	11.016.200	11.000.000	16.200
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	15.000		15.000
	Thị chính	24.581.000	24.581.000	
	Thương mại, du lịch			
	Các hoạt động kinh tế khác	36.604		36.604
	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.567.534		3.567.534
	Trong đó: Quỹ lương			
	Quản lý Nhà nước	1.899.824		1.899.824
	Đảng Cộng sản Việt Nam	826.922		826.922
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	286.406		286.406
	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	156.159		156.159
	Hội Liên hiệp Phụ nữ	126.143		126.143
	Hội Cựu chiến binh	151.413		151.413
	Hội Nông dân	120.667		120.667
	Chi hỗ trợ khác (nếu có)			
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể			
10	Chi cho công tác xã hội	8.751.784	8.500.000	251.784
	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	221.784		221.784
	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa			
	Trợ cấp xã hội			
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	8.530.000	8.500.000	30.000
	Khác			
11	Chi khác			
	Chi khác			
	Chi khác			
12	Dự phòng	65.400		65.400
	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau			
	Nộp trả ngân sách cấp trên			

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	Tổng số thu	476.600.000	99.878.300
I	Các khoản thu 100%		56.000
1	Phí, lệ phí		16.000
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		30.000
	Thu từ quỹ đất công ích		15.000
	Thu từ hoa lợi công sản trên đất công		15.000
	Thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất		
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
8	Thu khác		10.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	476.600.000	96.030.000
1	Các khoản thu phân chia		464.000
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		84.000
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		30.000
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		350.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	476.600.000	95.566.000
2.1	Thu tiền sử dụng đất	476.600.000	95.320.000
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước		
2.3	Thuế tài nguyên		
2.4	Thuế giá trị gia tăng		80.000
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp		30.000
2.6	Thuế thu nhập cá nhân		136.000
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		3.792.300
1	Thu bổ sung cân đối		2.127.600
2	Thu bổ sung có mục tiêu		1.664.700